

Bản án số: **33/2018/DS-PT**

Ngày: 01-02-2018

*“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thành Dương

*Các Thẩm phán:* Bà Phan Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Công Sự

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc: *“Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.*

Do Bản án sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 238/2017/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2018/QĐPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Công H.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp 5, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Ông H chết ngày 28/12/2012.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng:

1. Bà Phan Thị S, sinh năm 1950.
2. Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1969.
3. Ông Trần Minh T2, sinh năm 1970.
4. Trần Thị Thu V, sinh năm 1973.
5. Ông Trần Công T3, sinh năm 1975.
6. Bà Trần Thị T4, sinh năm 1984.

7. Bà Trần Thị Như P, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

8. Ông Trần Kim T5, sinh năm 1966.

9. Bà Trần Thị L, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, bà D, ông T2, bà V, ông T3, bà T4, bà P, ông T5, bà L: Ông Phạm Quốc T5, sinh năm 1964.

Địa chỉ: đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2015 và văn bản ủy quyền ngày 26/11/2015.

10. Bà Trần Thị Thu N (Chết ngày 16/12/2011)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N:

+ Ông Hứa Văn H, sinh năm 1972.

+ Cháu Hứa Ngọc Phi N, sinh năm 2006.

+ Cháu Hứa Ngọc Thanh T, sinh năm 2008.

Đại diện theo pháp luật cho cháu N và cháu T: Ông Hứa Văn H.

Địa chỉ: tổ 6, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1959.

Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 5, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Nguyễn Hữu T1.

Văn bản ủy quyền ngày 03/4/2017.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thanh T6 – Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hải B.

Văn bản ủy quyền số 3952/UBND-NC ngày 12/8/2014.

2. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1983.

4. Ông Phạm Văn V, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương.

5. Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 5, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà P, ông V, ông L: Ông Nguyễn Hữu T1.

Văn bản ủy quyền ngày 03/4/2017.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Quốc T5 - đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

(Ông T5, ông T1, Luật sư T6 có mặt; ông H, đại diện UBND huyện V có đơn xin vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn - ông Phạm Quốc T5 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 244 tờ bản đồ số 26 xã B có diện tích 2.571m<sup>2</sup> là do hợp tác xã X, giao cho gia đình ông H sản xuất năm 1991. Đến năm 1994 ông H cho gia đình bà B thuê để sản xuất, mỗi năm bà B trả cho ông H 04 gạ lúa. Thỏa thuận khi nào con ông H đi nước ngoài về thì bà B trả lại ruộng. Đến năm 1996 con ông H về nhưng bà B không trả lại ruộng và cho rằng ruộng của cha bà, nên ông H có thưa ra UBND xã từ năm 1996. Ngày 15/01/2011 bà B đến nhà ông H trả tiền hoa lợi năm 2007-2008 với số tiền là 1.040.000 đồng. Từ năm 2009 trở đi bà B không trả nữa và cũng không trả lại ruộng cho ông H. Năm 2005 ông H đi kê khai đăng ký QSD đất và được cấp biên nhận hồ sơ, hàng năm ông H có đóng thuế đất đến khi được miễn thuế (hiện tại ông H không có chứng cứ gì để chứng minh ông H đóng thuế nhưng được ông Nghĩ là trưởng ấp xác nhận ông H có đóng thuế hàng năm). Năm 2012 ông H làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, đề nghị Tòa án buộc ông T1, bà B phải trả lại cho gia đình ông H phần diện tích đất nêu trên, yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận QSD đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông T1, bà B tại giấy chứng nhận QSD đất số BD 399288 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 21/01/2011 mang tên ông Nguyễn Hữu T1 và bà Huỳnh Thị B, lý do ông H đề nghị hủy là phần diện tích đất đang tranh chấp, nhưng UBND huyện V lại cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông T1 và bà B.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T5 có đơn xin được rút yêu cầu cầu này.

\* Đại diện cho cháu Hứa Ngọc Phi N và cháu Hứa Ngọc Thanh T đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của chị N ông Hứa Văn H trình bày:

Ông không có ý kiến gì khác đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Vì chị N là vợ ông và là con gái của ông H, nay ông H đã chết, theo quy định của pháp luật thì các con của ông phải được hưởng thừa kế phần của chị N. Nhưng nay bên gia đình ông H đang khởi kiện đối với gia đình ông T1 về tranh chấp thửa đất nêu trên. Ông thấy việc tranh chấp này không liên quan gì đến ông, ông cũng không yêu cầu tranh chấp gì. Do vậy ông xin được rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và đại diện cho các con. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và ông không có ý kiến gì.

\* Đại diện bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 224 tờ bản đồ số 26 xã B có diện tích là 2.571m<sup>2</sup> là của cha vợ ông là ông Huỳnh Văn Sơn khai phá quản lý sử dụng từ trước giải phóng và được cấp chứng thư quyền sở hữu và sổ bộ chứng khoán, sau giải

phóng các hộ dân dồn đất vào hợp tác xã, trong đó đất của cha ông cũng đưa vào hợp tác xã X quản lý, năm 1991 hợp tác xã tự tan rã và trả lại đất cho chủ sở hữu, trong đó thửa đất số 224 hợp tác xã giao cho ông L và ông H quản lý, sử dụng được một năm, sau đó ông L giao lại cho ông H canh tác, ông H canh tác được một năm thì không canh tác nữa, giao lại cho con gái là chị D sử dụng được một năm thì bỏ hoang, nên vợ chồng ông lấy lại ruộng để làm khi đó ông H có ý kiến, gia đình ông có đưa cho gia đình ông H được 02 năm mỗi năm 4 gia lúa. Ông đưa được 02 năm thì không đưa nữa và sử dụng ổn định từ đó đến nay hàng năm có đóng thuế đầy đủ, có biên lai thuế. Năm 2007 ông có khiếu nại về việc ông không được kê khai đăng ký phần diện tích đất trên, nên được UBND xã, huyện giải quyết tranh chấp đến năm 2010, UBND huyện V có văn bản hướng dẫn ông đi làm thủ tục kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất. Sau khi nhận được văn bản của UBND huyện đề nghị ông đi kê khai đăng ký, nên ông đã đi kê khai đăng ký QSD đất và năm 2011 được cấp giấy chứng nhận QSD đất, nhưng ông chưa kịp lấy sổ thì ông H làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu. Nay gia đình ông H khởi kiện yêu cầu tranh chấp QSD đất với ông, yêu cầu hủy quyết định cấp giấy CNQSD đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông H.

\* Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện V - ông Nguyễn Hải B trình bày:

Năm 2010 bà B, ông T1 có đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất số 244 tờ bản đồ số 26 xã B có diện tích là 2.571m<sup>2</sup> có nguồn gốc đất của cha để lại, đơn xin đăng ký cấp giấy được UBND xã B xác nhận và đã kết thúc công khai 15 ngày. Được văn phòng đăng ký đất đai xét đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất, Phòng tài nguyên và Môi trường huyện có tờ trình số 198/TTr-TNMT ngày 19/01/2011 về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất. Trên cơ sở thẩm tra của Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng tài nguyên môi trường. Ngày 21/01/2011 UBND huyện V cấp giấy chứng nhận QSD đất số: BD 399288 cho bà B và ông T1. Nhưng do diện tích đất trên hiện ông Trần Công H có đơn tranh chấp với ông T1, bà B nên Văn phòng đăng ký đất đai chưa giao giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho ông T1, bà B. Sau khi có quyết định của Tòa án, Phòng tài nguyên và Môi trường sẽ tham mưu UBND huyện xử lý giấy CNQSD đất đã cấp theo bản án của Tòa.

Bản án số 10/2017/DSST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông H (ông Trần Công T5, bà Trần Thị L, bà Phan Thị S, bà Trần Thị Ngọc D, ông Trần Minh T2, bà Trần Thị Thu V, ông Trần Công T3, bà Trần Thị T4, bà Trần Như P) về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị B và ông Nguyễn Hữu T1 phải giao lại thửa đất số 244 tờ bản đồ số 26 xã B, có diện tích 2.571m<sup>2</sup>.

2. Chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông H. Hủy giấy chứng nhận QSD

đất số BD 399288 ngày 21/01/2011 do UBND huyện V cấp, mang tên ông Nguyễn Hữu T1, bà Huỳnh Thị B tại thửa đất số 244 tờ bản đồ số 26 xã B.

3. Tạm giao cho bà Huỳnh Thị B và ông Nguyễn Hữu T1 được tiếp tục sử dụng thửa đất số 244 tờ bản đồ số 26 xã B có diện tích 2.571m<sup>2</sup>. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà B và ông T1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được xem xét giao, cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, và được liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký theo quy định.

4. Đình chỉ yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận QSD đất.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Hứa Văn H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26/6/2017 ông T5 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp và án phí dân sự sơ thẩm.

\* Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của cha bà B khai phá và sau giải phóng đồn đất vào hợp tác xã. Hợp tác xã đã giao đất cho gia đình ông H canh tác. Tuy nhiên sau khi hợp tác xã tan rã một thời gian, do gia đình ông H không có nhu cầu sử dụng, đất bỏ hoang nên gia đình ông T1 đã lấy lại đất để sử dụng canh tác. Ông T1 đã đi kê khai và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế với thửa đất trên và đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất tại hồ sơ vụ án. Do đó đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Nguồn gốc thửa đất 224 tờ bản đồ số 26, xã B, huyện V là của cha bà Huỳnh Thị B đã được cấp chứng thư quyền sở hữu. Sau khi hợp tác xã tan rã đất được giao cho ông H và ông L canh tác. Tuy nhiên ông H không có nhu cầu canh tác và đã giao cho con của ông là bà D sử dụng sau đó ông H và bà D cho ông T1 thuê lại đất. Việc cho thuê lại đất của ông H và bà D là vi phạm quy định của Luật đất đai năm 1993. Theo ông H khai có nộp thuế từ năm 1991-1994 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H khai có nhu cầu sử dụng đất từ năm 1997 nên đã làm đơn khởi kiện ông T1 nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Hồ sơ vụ án thể hiện ông T1 là người có nhu cầu sử dụng đất và là người canh tác từ năm 1995 đến nay và cũng đã thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tranh chấp. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Công H.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn được làm đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện V, ông Hứa Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng Ủy ban nhân dân huyện V và ông H.

[2] Quan hệ pháp luật xác định tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Thửa đất số 244 tờ số 26 bản đồ địa chính xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai, mục đích sử dụng là đất trồng lúa, có nguồn gốc của ông Huỳnh Văn S, cha của bà Huỳnh Thị B được chế độ cũ cấp chứng thư quyền sở hữu, sau đó được đưa vào Hợp tác xã X quản lý, giao cho nhiều người canh tác gồm ông Lê Ngọc L và ông Trần Công H. Năm 1990, khi Hợp tác xã tan rã, đất vẫn do ông Long, ông H canh tác, không có sự phân chia lại. Ông H canh tác được khoảng 2 năm thì giao lại toàn bộ cho ông Lê Ngọc L sử dụng. Ông L sử dụng được 01 năm thì không sử dụng nữa, ông L giao đất lại cho ông H. Do ông H không có nhu cầu sử dụng nên giao đất lại cho bà Trần Thị Ngọc D con ông H và bà D không sử dụng nên ông T1, bà B xin được quản lý, sử dụng cho đến nay.

[4] Như vậy sau khi Hợp tác xã tan rã, nhà nước chưa có sự phân chia lại ruộng đất đối với diện tích đất tranh chấp mà các hộ dân canh tác tự phát và chuyển giao cho nhau cũng tự phát. Từ năm 1994, ông H không trực tiếp quản lý, sử dụng đất, không được bất cứ cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào theo Luật đất đai năm 1987 và Luật đất đai năm 1993 giao đất hợp pháp. Việc năm 1990 khi tan rã rồi Hợp tác xã cho ông H canh tác trên đất là quan hệ giữa Hợp tác xã với xã viên, không thể nhầm lẫn với việc ông H được Nhà nước giao đất từ năm 1990 theo Luật đất đai năm 1987. Thực tế gia đình ông H hoàn toàn không có nhu cầu sản xuất nông nghiệp, và để ruộng hoang.

[5] Đối với bà B, ông T1 không phải là người được hợp tác xã cho canh tác trên đất tranh chấp, nhưng là người thực sự có nhu cầu sử dụng đất và đã canh tác trên đất từ năm 1994 trên cơ sở thương lượng với bà D. Sau đó ông T1 bà B kê khai, nộp thuế và đăng ký nên được Nhà nước ghi nhận quyền sử dụng đất hợp pháp phù hợp với các qui định của Luật đất đai 1987, Luật đất đai 1993 và Luật đất đai 2003. Tuy nhiên việc UBND huyện V không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay khi bà B, ông T1 xin cấp, nhiều năm sau đó mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B, ông T1 ở thời điểm đang có tranh chấp là sai.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp và hủy giấy chứng nhận cấp cho ông T1, bà B để làm thủ tục cấp lại là có căn cứ.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng, cụ thể là tranh chấp ai có quyền sử dụng đất, nhưng lại buộc

nguyên đơn chịu án phí có giá ngạch trên giá trị quyền sử dụng đất là chưa phù hợp, trường hợp này nguyên đơn chỉ phải chịu án phí không có giá ngạch. Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm về án phí. Do bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ, thẩm định giá tài sản và thu thập chứng cứ nguyên đơn phải chịu và đã nộp đủ. Bản án sơ thẩm không tuyên về người chịu chi phí tố tụng là có thiếu sót.

[9] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên được chấp nhận.

[10] Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm;

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2011; khoản 1 Điều 2, Điều 4 Luật đất đai năm 1993; Điều 41, 42, 135, 136 của Luật Đất đai năm 2003; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 cùng của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H (ông Trần Công T5, bà Trần Thị L, bà Phan Thị S, bà Trần Thị Ngọc D, ông Trần Minh T2, bà Trần Thị Thu V, ông Trần Công T3, bà Trần Thị T4, bà Trần Như P) về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị B và ông Nguyễn Hữu T1 phải giao lại thửa đất số 244 tờ số 26 bản đồ địa chính xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai có diện tích 2.571m<sup>2</sup>.

2. Chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H. Hủy giấy chứng nhận QSD đất số BD 399288 ngày 21/01/2011 do UBND huyện V cấp, mang tên ông Nguyễn Hữu T1, bà Huỳnh Thị B đối với thửa đất số 244 tờ số 26 bản đồ địa chính xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

3. Tạm giao cho bà Huỳnh Thị B và ông Nguyễn Hữu T1 được tiếp tục sử dụng thửa đất số 244 tờ số 26 bản đồ địa chính xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai có diện tích 2.571m<sup>2</sup>. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà B và ông T1 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được xem xét giao, cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, và được liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký theo quy định.

4. Đình chỉ yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Hứa Văn H.

6. Chi phí tố tụng 18.070.625 đồng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Công H gồm: ông Trần Công T5, bà Trần Thị L, bà Phan Thị S, bà Trần Thị Ngọc D, ông Trần Minh T2, bà Trần Thị Thu V, ông Trần Công T3, bà Trần Thị T4, bà Trần Như P phải chịu, đã nộp xong.

7. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Công H gồm: ông Trần Công T5, bà Trần Thị L, bà Phan Thị S, bà Trần Thị Ngọc D, ông Trần Minh T2, bà Trần Thị Thu V, ông Trần Công T3, bà Trần Thị T4, bà Trần Như P phải chịu 200.000 đồng án phí DSST, trừ vào số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 5950 ngày 16/5/2012 của Chi cục thi hành án huyện V, hoàn trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Công H nêu trên số tiền 2.800.000 đồng còn lại.

8. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Công H gồm: ông Trần Công T5, bà Trần Thị L, bà Phan Thị S, bà Trần Thị Ngọc D, ông Trần Minh T2, bà Trần Thị Thu V, ông Trần Công T3, bà Trần Thị T4, bà Trần Như P không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Công H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 1488 ngày 13/7/2017 của Chi cục thi hành án huyện V.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát tỉnh (01);
- Tòa án huyện Vĩnh Cửu (01);
- Thị hành án huyện V (01);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Thành Dương**